

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15 - 4 - 2022

V/v ly hôn giữa

Chị T và anh H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Thùy

Ông Trần Đình Phần

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa: ông Đặng Xuân Tự - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2022/TLST-HNGĐ, ngày 14/01/2022; về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/3/2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Lê Thị T, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Xóm 1 (xóm 7 cũ), xã X, huyện X, tỉnh Nam Định;

*** Bị đơn:** Anh Phạm Thanh H, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Xóm 1 (xóm 7 cũ), xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa, chị T và anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Thanh H kết hôn có đăng ký tại UBND xã X ngày 25/10/2013. Sau khi cưới vợ chồng sống không hạnh phúc do tính tình lối sống không hòa hợp nên xảy ra bất đồng, anh H không quan tâm đến vợ con, không

chịu khó làm ăn. Vợ chồng sống ly thân đã hơn 1 năm nay. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không hàn gắn được nên chị đề nghị ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh có hai con chung là Phạm Lê A A sinh ngày 03/5/2015 và Phạm Lê Bảo A sinh ngày 17/7/2017. Hai con hiện đang ở với chị, khi ly hôn chị xin nuôi cả hai con không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nghĩa vụ tài sản của vợ chồng: Chị không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Chị có đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị.

Anh Phạm Thanh H vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án anh đã có bản tự khai xác nhận anh và chị T kết hôn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã X ngày 25/10/2013. Vợ chồng chung sống hòa thuận được 2 năm thì mâu thuẫn do anh không chịu khó làm ăn ít quan tâm đến vợ con; gia đình đã báo ban động viên vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không đạt. Vợ chồng sống ly thân gần 1 năm nay. Chị T xin ly hôn anh chưa nhất trí vì muốn vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái. Về con chung anh chị có hai con chung là Phạm Lê A A sinh ngày 03/5/2015 và Phạm Lê Bảo A sinh ngày 17/7/2017. Hai con hiện đang ở với chị, khi ly hôn anh xin nuôi cả hai con không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và Nguyên đơn kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành nghiêm trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Phạm Thanh H. Giao cháu Phạm Lê A A sinh ngày 03/5/2015 và Phạm Lê Bảo An sinh ngày 17/7/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Phạm

Thanh H là hợp pháp. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn từ tính cách lối sống, anh không chăm lo lao động và thiếu quan tâm đến vợ con. Chị xin ly hôn anh không nhất trí ly hôn mà mong muốn đoàn tụ nhưng sau khi anh đến Tòa trình bày bản tự khai, Tòa án đã tổ chức nhiều lần hòa giải để anh chị có cơ hội tìm tiếng nói chung đoàn tụ gia đình nhưng anh H không đến và không có lý do gì. Điều đó chứng tỏ anh không thực sự thiết tha đoàn tụ mà chỉ gây khó khăn cho quá trình tố tụng quả Tòa án. Xét thấy cũng nên giải phóng cho anh chị để chị T tự lo hạnh phúc của bản thân.

[3]. Về việc nuôi con chung: Hai con chung của anh chị là Phạm Lê A A sinh ngày 03/5/2015 và Phạm Lê Bảo A sinh ngày 17/7/2017 hiện đang ở với chị, khi ly hôn chị xin nuôi cả hai con không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh cũng muốn nuôi con không yêu cầu chị cấp dưỡng. Địa phương cũng đề nghị nên để chị T trực tiếp nuôi hai con, cháu Phạm Lê A A có nguyện vọng ở với mẹ; bản thân anh trong bản tự khai cũng thừa nhận lâu nay không quan tâm đến vợ con. Vì thế nên giao cả hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về tài sản chung chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn chị Lê Thị T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cùng Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Phạm Thanh H.
2. Về con chung: Giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Lê A A sinh ngày 03/5/2015 và Phạm Lê Bảo A sinh ngày 17/7/2017 cho đến khi con chung tự lập trưởng thành, chấp nhận chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.
3. Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại biên lai thu số 0002911 ngày 14/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường; chị T đã nộp đủ án phí ly hôn.
4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng hợp hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Tỉnh+ Huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã X;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Ngọc Quỳnh